

Số: **16** /QĐ-VKSTC

Hà Nội, ngày **31** tháng **01** năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế kiểm sát việc Tòa án nhân dân xem xét,
quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính**

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân ngày 24/11/2014;

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012
đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 54/2014/QH13, Luật số
18/2017/QH14 và Luật số 67/2020/QH14;*

*Căn cứ Pháp lệnh số 03/2022/UBTVQH15 ngày 13/12/2022 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội về Trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện
pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân;*

*Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành
chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy
định của pháp luật và Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế kiểm sát việc Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quy chế kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ban hành kèm theo Quyết định số 299/QĐ-VKSTC ngày 19/8/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /: *chữ*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VKSND tối cao;
- Lưu: VT, Vụ 10. *HG*



VIỆN TRƯỞNG

Lê Minh Trí

QUY CHẾ

Kiểm sát việc Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/QĐ-VKSTC ngày 31 tháng 01 năm 2024
của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định hoạt động kiểm sát việc Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây viết tắt là biện pháp xử lý hành chính) và biện pháp giáo dục dựa vào cộng đồng.

2. Quy chế này không điều chỉnh các hoạt động sau:

Hoạt động kiểm sát việc xem xét, quyết định hoãn hoặc miễn chấp hành; giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án;

Hoạt động kiểm sát việc giải quyết khiếu nại hành vi của người có thẩm quyền của Tòa án trong việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện;

2. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, công chức khác và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

Điều 3. Đối tượng kiểm sát, phạm vi kiểm sát

1. Đối tượng kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính là tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của những chủ thể sau:

a) Tòa án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án;

b) Người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính (sau đây viết tắt là người bị đề nghị); người đại diện hợp pháp của họ; cha mẹ hoặc người giám

hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị đề nghị;

c) Cơ quan đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ việc.

2. Phạm vi kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính bắt đầu từ khi Viện kiểm sát nhận được thông báo thụ lý hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đến khi có quyết định giải quyết việc xem xét, áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà không có khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị theo quy định của Pháp lệnh số 03/2022/UBTVQH15 ngày 13/12/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân (sau đây viết tắt là Pháp lệnh số 03/2022).

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát

Khi kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, Viện kiểm sát nhân dân có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Kiểm sát việc thụ lý hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính;
2. Kiểm sát việc yêu cầu bổ sung tài liệu;
3. Kiểm sát việc mở phiên họp, hoãn phiên họp;
4. Sao chụp, nghiên cứu hồ sơ;
5. Tham gia phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án; phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với các quyết định giải quyết của Tòa án; kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên họp; phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên họp;
6. Kiểm sát quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;
7. Kiểm sát quyết định áp dụng, không áp dụng biện pháp xử lý hành chính, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục dựa vào cộng đồng;
8. Kiểm sát việc thụ lý, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị quyết định của Tòa án trong việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính;
9. Thực hiện các quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị theo quy định của Pháp lệnh số 03/2022;
10. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Phân công, thay đổi Kiểm sát viên tham gia phiên họp

1. Viện trưởng Viện kiểm sát quyết định phân công, thay đổi Kiểm sát viên tham gia các phiên họp quy định tại khoản 2 Điều 18 hoặc điểm c khoản 4 Điều 34 Pháp lệnh số 03/2022, có thể phân công Kiểm sát viên dự khuyết tham gia phiên họp. Quyết định phân công, thay đổi Kiểm sát viên tham gia phiên họp được gửi cho Tòa án cùng cấp ngay sau khi ban hành.

Trường hợp Viện trưởng Viện kiểm sát tham gia phiên họp thì Viện trưởng trực tiếp hoặc ủy quyền cho một Phó Viện trưởng ký quyết định phân công Kiểm sát viên tham gia phiên họp.

2. Trường hợp vì lý do bất khả kháng, Kiểm sát viên không thể tham gia phiên họp thì báo cáo Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng được Viện trưởng ủy quyền thay đổi Kiểm sát viên. Trường hợp không có Kiểm sát viên dự khuyết thì thông báo ngay cho Tòa án để hoãn phiên họp theo quy định tại khoản 1 Điều 20, khoản 5 Điều 34 Pháp lệnh số 03/2022.

Điều 6. Kiến nghị khắc phục vi phạm và phòng ngừa vi phạm

1. Trong quá trình kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, nếu phát hiện thiếu sót, vi phạm pháp luật của Tòa án hoặc cơ quan, tổ chức hữu quan khác thì Viện kiểm sát thực hiện quyền kiến nghị khắc phục vi phạm và phòng ngừa vi phạm theo quy định tại Điều 5 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 và Điều 4 Pháp lệnh số 03/2022. Việc kiến nghị được thực hiện đối với từng vi phạm cụ thể hoặc tổng hợp vi phạm để kiến nghị chung.

2. Văn bản kiến nghị của Viện kiểm sát ghi thời hạn cơ quan, tổ chức, cá nhân trả lời kiến nghị và Viện kiểm sát đã kiến nghị phải theo dõi việc trả lời kiến nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014.

Chương II

KIỂM SÁT VIỆC TÒA ÁN XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

Điều 7. Kiểm sát thông báo thụ lý hồ sơ đề nghị xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Khi nhận được thông báo thụ lý hồ sơ đề nghị xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án cùng cấp, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải vào sổ thụ lý, lập phiếu kiểm sát các nội dung sau:

a) Thẩm quyền thụ lý của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh số 03/2022;

b) Thời hạn Tòa án gửi thông báo thụ lý theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Pháp lệnh số 03/2022;

c) Nội dung của văn bản thông báo thụ lý theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Pháp lệnh số 03/2022.

2. Trường hợp phát hiện việc thụ lý hồ sơ đề nghị xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án có vi phạm thì Kiểm sát viên, Kiểm tra viên báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình thực hiện quyền kiến nghị theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 8. Lập hồ sơ kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên có nhiệm vụ lập hồ sơ kiểm sát, sao chụp, trích cứ đầy đủ tài liệu, chứng cứ bao gồm các văn bản của cơ quan đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính cung cấp cho Tòa án, tập tài liệu do Tòa án ban hành và các tài liệu thể hiện hoạt động nghiệp vụ của Viện kiểm sát.

2. Hồ sơ kiểm sát được lập, sắp xếp, đóng dấu bút lục, thống kê tài liệu theo quy định của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 9. Kiểm sát việc Thẩm phán yêu cầu bổ sung tài liệu

1. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên kiểm sát chặt chẽ việc Thẩm phán yêu cầu người đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính bổ sung tài liệu theo các nội dung sau:

a) Thời hạn Thẩm phán ban hành văn bản yêu cầu bổ sung tài liệu theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 Pháp lệnh số 03/2022;

b) Căn cứ ban hành, nội dung văn bản yêu cầu bổ sung tài liệu theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 15 Pháp lệnh số 03/2022;

c) Thời hạn người được yêu cầu phải gửi tài liệu cho Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Pháp lệnh số 03/2022.

2. Trường hợp phát hiện việc Tòa án yêu cầu bổ sung tài liệu có vi phạm thì Kiểm sát viên, Kiểm tra viên báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình thực hiện quyền kiến nghị theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 10. Kiểm sát Quyết định mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Sau khi nhận được Quyết định mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên kiểm sát các nội dung sau:

a) Thời hạn Thẩm phán ban hành quyết định theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 13, khoản 4 Điều 15 Pháp lệnh số 03/2022;

b) Nội dung của quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Pháp lệnh số 03/2022;

c) Thời hạn Tòa án gửi quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Pháp lệnh số 03/2022.

2. Trường hợp phát hiện Quyết định mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án có vi phạm thì Kiểm sát viên, Kiểm tra viên báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình thực hiện quyền kiến nghị theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 11. Kiểm sát việc hoãn phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Khi kiểm sát việc hoãn phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên kiểm sát chặt chẽ các nội dung sau:

a) Căn cứ, trường hợp hoãn phiên họp quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 20; điểm b khoản 3 Điều 21 Pháp lệnh số 03/2022;

b) Thời hạn hoãn phiên họp quy định tại khoản 4 Điều 20 Pháp lệnh số 03/2022.

2. Trường hợp phát hiện việc hoãn phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án có vi phạm thì Kiểm sát viên, Kiểm tra viên báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình để thực hiện quyền kiến nghị theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 12. Nghiên cứu hồ sơ

1. Khi nghiên cứu hồ sơ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên kiểm sát chặt chẽ việc tuân theo pháp luật của người tiến hành, người tham gia vào việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính và đánh giá khách quan, toàn diện tài liệu, chứng cứ.

Thời gian nghiên cứu hồ sơ bắt đầu từ khi Viện kiểm sát nhận được thông báo thụ lý của Tòa án cùng cấp đến khi Tòa án mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

2. Đối với hồ sơ xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, ngoài các nội dung nêu tại khoản 1 Điều này, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên cần nghiên cứu các nội dung sau:

a) Thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b) Về đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng theo quy định tại Điều 92 Luật Xử lý vi phạm hành chính; trường hợp áp dụng biện pháp giáo dục dựa vào cộng đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 104a Luật xử lý vi phạm hành chính;

c) Về thẩm quyền, trình tự và thủ tục lập hồ sơ, tài liệu trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng theo quy định tại Điều 99 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Đối với hồ sơ xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, ngoài các nội dung nêu tại khoản 1 Điều này, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên cần nghiên cứu các nội dung sau:

a) Về thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b) Về đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định tại Điều 94 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

c) Về thẩm quyền, trình tự và thủ tục lập hồ sơ, tài liệu trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định tại Điều 101 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Đối với hồ sơ xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, ngoài các nội dung nêu tại khoản 1 Điều này, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên cần nghiên cứu các nội dung sau:

a) Về thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b) Về đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 96 Luật Xử lý vi phạm hành chính, Điều 32 Luật Phòng chống ma túy;

c) Về thẩm quyền, trình tự và thủ tục lập hồ sơ, tài liệu trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 103 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 13. Báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ và dự thảo đề cương hỏi, dự thảo văn bản phát biểu ý kiến để tham gia phiên họp

1. Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ đảm bảo phản ánh đầy đủ, trung thực, khách quan vụ việc, trình lãnh đạo Viện kiểm sát. Ngoài phần mở đầu, báo cáo phải có các nội dung sau:

a) Nội dung vụ việc, quá trình giải quyết của Tòa án;

b) Nhận xét, đánh giá của Kiểm sát viên, Kiểm tra viên về các nội dung nêu tại Điều 11 Quy chế này, quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên, Kiểm tra viên về việc đề nghị xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

c) Ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo phụ trách, lãnh đạo Viện kiểm sát.

2. Báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ và đề xuất quan điểm được lập theo mẫu do Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành và lưu vào hồ sơ kiểm sát.

3. Sau khi báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên xây dựng dự thảo đề cương hỏi; dự thảo văn bản phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp. Văn bản phát biểu được lập theo mẫu do Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành.

Điều 14. Kiểm sát phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Tại phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, Kiểm sát viên kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của người tiến hành phiên họp và người tham gia phiên họp về các nội dung sau:

a) Thời hạn Tòa án mở phiên họp quy định tại khoản 1 Điều 17 Pháp lệnh số 03/2022;

b) Thành phần, tư cách pháp lý của người tiến hành phiên họp và người tham gia phiên họp quy định tại Điều 18 Pháp lệnh số 03/2022;

c) Việc quyết định thay đổi người tiến hành phiên họp theo quy định tại Điều 11 Pháp lệnh số 03/2022;

d) Việc tạm dừng phiên họp theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 21 Pháp lệnh số 03/2022;

đ) Việc tuân theo pháp luật về trình tự, thủ tục tại phiên họp theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 21 Pháp lệnh số 03/2022;

e) Phiên họp xem xét quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Pháp lệnh số 03/2022.

2. Tại phiên họp, Kiểm sát viên ghi chép đầy đủ nội dung diễn biến phiên họp và lưu hồ sơ kiểm sát. Kiểm sát viên hỏi những vấn đề còn chưa rõ để làm sáng tỏ nội dung vụ việc sau khi Thẩm phán kết thúc việc hỏi.

Điều 15. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp

1. Sau khi những người tham gia phiên họp kết thúc tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến theo quy định tại điểm i khoản 3 Điều 21 Pháp lệnh số 03/2022 về các nội dung sau:

a) Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành và người tham gia thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

b) Tính có căn cứ và hợp pháp đối với việc đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

c) Quan điểm của Viện kiểm sát về việc áp dụng, không áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc đình chỉ, tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc biện pháp giáo dục dựa vào cộng đồng.

Trường hợp Viện kiểm sát đề xuất áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc biện pháp giáo dục dựa vào cộng đồng thì phải nêu quan điểm về thời hạn áp dụng.

2. Văn bản phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính phải có chữ ký của Kiểm sát viên tham gia phiên họp. Sau khi kết thúc phiên họp, Kiểm sát viên hoàn thiện nội dung văn bản phát biểu lưu vào hồ sơ kiểm sát.

Điều 16. Kiểm tra biên bản phiên họp

Sau khi kết thúc phiên họp, Kiểm sát viên kiểm tra biên bản phiên họp. Trường hợp Kiểm sát viên yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên họp thì ký xác nhận nhằm đảm bảo biên bản phiên họp phản ánh đúng nội dung, diễn biến theo quy định tại Điều 22 Pháp lệnh số 03/2022.

Điều 17. Báo cáo kết quả phiên họp

1. Sau khi kết thúc phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, Kiểm sát viên phải báo cáo ngay kết quả phiên họp với lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình. Trường hợp cần trao đổi hoặc trường hợp có kháng nghị thì Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện phải báo cáo ngay Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh về kết quả phiên họp. Báo cáo kết quả phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính được lập theo mẫu do Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành.

2. Báo cáo kết quả phiên họp được gửi theo quy định của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và lưu hồ sơ kiểm sát.

Điều 18. Kiểm sát quyết định tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Khi kiểm sát quyết định tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính do Tòa án ban hành trước khi mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên có nhiệm vụ lập phiếu kiểm sát các nội dung sau:

a) Thời hạn Tòa án ban hành quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Pháp lệnh số 03/2022;

b) Căn cứ ban hành quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Pháp lệnh số 03/2022, hiệu lực của quyết định theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Pháp lệnh số 03/2022;

c) Hậu quả của việc tạm đình chỉ xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Pháp lệnh số 03/2022;

d) Thời hạn Tòa án gửi quyết định tạm đình chỉ theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Pháp lệnh số 03/2022.

2. Đối với quyết định tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính do Tòa án ban hành tại phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên có nhiệm vụ lập phiếu kiểm sát các nội dung sau:

a) Nội dung và hiệu lực của quyết định theo quy định tại Điều 23 và khoản 1 Điều 24 Pháp lệnh số 03/2022;

b) Hậu quả của việc tạm đình chỉ xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Pháp lệnh số 03/2022;

c) Thời hạn Tòa án gửi quyết định theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Pháp lệnh số 03/2022.

3. Trường hợp phát hiện quyết định tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án có vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình ban hành kiến nghị, kháng nghị.

Điều 19. Kiểm sát quyết định đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Khi kiểm sát quyết định đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính do Tòa án ban hành trước khi mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên có nhiệm vụ lập phiếu kiểm sát các nội dung sau:

a) Thời hạn Tòa án ban hành quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Pháp lệnh số 03/2022;

b) Căn cứ ban hành, hiệu lực của quyết định theo quy định tại khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 24 Pháp lệnh số 03/2022;

c) Thời hạn Tòa án gửi quyết định theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Pháp lệnh số 03/2022.

2. Đối với quyết định đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính do Tòa án ban hành tại phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên có nhiệm vụ lập phiếu kiểm sát các nội dung sau:

a) Nội dung và hiệu lực của quyết định theo quy định tại Điều 23, khoản 1 Điều 24 Pháp lệnh số 03/2022;

b) Thời hạn Tòa án gửi quyết định theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Pháp lệnh số 03/2022.

3. Trường hợp phát hiện quyết định đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án có vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình ban hành kiến nghị, kháng nghị.

Điều 20. Kiểm sát quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Khi kiểm sát quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp xử lý hành chính do Tòa án ban hành, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên có nhiệm vụ lập phiếu kiểm sát các nội dung sau:

a) Căn cứ áp dụng, không áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại các Điều 92, Điều 94 và Điều 96 Luật Xử lý vi phạm hành chính, Điều 32 Luật Phòng chống ma túy;

b) Nội dung và hiệu lực của quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp hành chính theo định quy định tại Điều 23, Điều 24 Pháp lệnh số 03/2022;

c) Thời hạn Tòa án gửi quyết định theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Pháp lệnh số 03/2022.

2. Trường hợp phát hiện quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp xử lý hành chính có vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình ban hành kiến nghị, kháng nghị.

Điều 21. Kiểm sát quyết định áp dụng biện pháp giáo dục dựa vào cộng đồng

1. Khi kiểm sát quyết định áp dụng biện pháp giáo dục dựa vào cộng đồng, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên có nhiệm vụ lập phiếu kiểm sát các nội dung sau:

a) Căn cứ áp dụng biện pháp giáo dục dựa vào cộng đồng theo quy định tại Điều 140a Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b) Nội dung và hiệu lực của quyết định theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Pháp lệnh số 03/2022;

c) Thời hạn Tòa án gửi quyết định theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Pháp lệnh số 03/2022.

2. Trường hợp phát hiện quyết định áp dụng biện pháp giáo dục dựa vào cộng đồng có vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình ban hành kiến nghị, kháng nghị.

Điều 22. Quyết định kháng nghị đối với quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; quyết định không áp dụng biện pháp xử lý hành chính; quyết định áp dụng biện pháp giáo dục dựa vào cộng đồng

1. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện kháng nghị đối với quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; quyết định áp dụng, quyết định không áp dụng biện pháp xử lý hành chính, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục dựa vào cộng đồng của Tòa án nhân dân cùng cấp khi có căn cứ cho rằng các quyết định đó là trái pháp luật.

2. Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Tòa án công bố quyết định hoặc kể từ ngày nhận được quyết định trong trường hợp Tòa án ra quyết định mà không mở phiên họp theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Pháp lệnh số 03/2022.

3. Quyết định kháng nghị được lập theo mẫu do Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành và lưu vào hồ sơ kiểm sát.

4. Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện phải gửi quyết định kháng nghị cho Tòa án nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và những người có liên quan ngay sau khi ban hành.

Chương III

KIỂM SÁT VIỆC TÒA ÁN GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, KIẾN NGHỊ, KHÁNG NGHỊ CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN TRONG VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

Điều 23. Kiểm sát thông báo thụ lý đơn khiếu nại, văn bản kiến nghị, kháng nghị quyết định của Tòa án trong việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Khi nhận được thông báo thụ lý đơn khiếu nại, văn bản kiến nghị, kháng nghị, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải vào sổ thụ lý, lập phiếu kiểm sát

các nội dung về thẩm quyền thụ lý, thời hạn Tòa án gửi thông báo thụ lý theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh số 03/2022.

2. Trường hợp phát hiện Tòa án thụ lý đơn khiếu nại, văn bản kiến nghị, kháng nghị có vi phạm thì Kiểm sát viên, Kiểm tra viên báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình thực hiện quyền kiến nghị theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 24. Lập hồ sơ kiểm sát việc xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định của Tòa án trong việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính

Việc lập hồ sơ kiểm sát việc xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định của Tòa án được thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 8 Quy chế này, bổ sung đơn của người khiếu nại, văn bản kiến nghị của cơ quan đề nghị, quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện (nếu có) và các tài liệu, chứng cứ kèm theo để làm rõ căn cứ khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị.

Điều 25. Kiểm sát việc mở phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị

Khi nhận được thông báo của Tòa án về việc mở phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên kiểm sát chặt chẽ thời hạn mở phiên họp, thời hạn và đối tượng Tòa án gửi thông báo về việc mở phiên họp theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 34 Pháp lệnh số 03/2022. Trường hợp phát hiện vi phạm thì Kiểm sát viên, Kiểm tra viên báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình thực hiện quyền kiến nghị theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 26. Nghiên cứu hồ sơ, báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ, dự thảo đề cương hỏi và dự thảo văn bản phát biểu ý kiến tham gia phiên họp

1. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên nghiên cứu hồ sơ việc xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 34 Pháp lệnh số 03/2022. Việc nghiên cứu hồ sơ cần tập trung xem xét tính có căn cứ và hợp pháp của đơn khiếu nại, văn bản kiến nghị, kháng nghị và các tài liệu, chứng cứ liên quan.

2. Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ đảm bảo phản ánh đầy đủ, trung thực, khách quan vụ việc trình lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình. Ngoài phần mở đầu, báo cáo phải có các nội dung sau:

a) Nội dung vụ việc, quá trình giải quyết của Tòa án;

b) Nhận xét, đánh giá của Kiểm sát viên, Kiểm tra viên về việc tiến hành thủ tục giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị của Tòa án từ khi thụ lý vụ việc đến trước khi mở phiên họp; tính có căn cứ và hợp pháp của khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị; đề xuất của Kiểm sát viên, Kiểm tra viên có chấp nhận hay không chấp nhận nội dung khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị;

c) Ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện kiểm sát.

3. Báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ và đề xuất quan điểm được lập theo mẫu do Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành và lưu vào hồ sơ kiểm sát.

4. Sau khi báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên xây dựng dự thảo đề cương hỏi; dự thảo văn bản phát biểu ý kiến tại phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị. Văn bản phát biểu được lập theo mẫu do Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành.

Điều 27. Kiểm sát phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị

1. Tại phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị, Kiểm sát viên kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của người tiến hành phiên họp, người tham gia phiên họp về các nội dung sau:

a) Thành phần, tư cách pháp lý của người tiến hành phiên họp, người tham gia phiên họp quy định tại khoản 4 Điều 34 Pháp lệnh số 03/2022;

b) Việc hoãn phiên họp quy định tại khoản 5 Điều 34, điểm b khoản 3 Điều 35 Pháp lệnh số 03/2022;

c) Việc quyết định thay đổi người tiến hành phiên họp theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 35 Pháp lệnh số 03/2022;

d) Việc tuân theo pháp luật về trình tự, thủ tục tiến hành phiên họp quy định tại Điều 35 Pháp lệnh số 03/2022.

2. Tại phiên họp, Kiểm sát viên phải ghi chép đầy đủ nội dung diễn biến phiên họp và lưu hồ sơ kiểm sát. Kiểm sát viên tham gia hỏi những vấn đề còn chưa rõ để bảo vệ quan điểm kháng nghị hoặc quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết khiếu nại, kiến nghị.

Điều 28. Trình bày, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp

1. Trường hợp chỉ có khiếu nại của người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc kiến nghị của cơ quan đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính thì Kiểm sát viên phát biểu những vấn đề sau:

a) Tính có căn cứ và hợp pháp của khiếu nại, kiến nghị;

b) Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành, người tham gia thủ tục xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị trong quá trình giải quyết khiếu nại, kiến nghị;

c) Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết đối với quyết định bị khiếu nại, kiến nghị.

2. Trường hợp chỉ có kháng nghị của Viện kiểm sát thì Kiểm sát viên trình bày, phát biểu những vấn đề sau:

a) Nội dung kháng nghị và căn cứ kháng nghị; xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có); phân tích làm rõ quan điểm kháng nghị của Viện kiểm sát đối với quyết định của Tòa án;

b) Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành, người tham gia thủ tục xem xét, giải quyết kháng nghị trong quá trình giải quyết kháng nghị;

c) Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết đối với quyết định bị kháng nghị.

3. Trường hợp vừa có khiếu nại của người bị đề nghị, kiến nghị của cơ quan đề nghị, vừa có kháng nghị của Viện kiểm sát thì Kiểm sát viên trình bày, phát biểu những vấn đề sau:

a) Tính có căn cứ và hợp pháp của khiếu nại, kiến nghị;

b) Nội dung kháng nghị và căn cứ kháng nghị; xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có); phân tích làm rõ quan điểm kháng nghị của Viện kiểm sát đối với quyết định của Tòa án;

c) Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành, người tham gia thủ tục xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị trong quá trình giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị;

d) Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết đối với quyết định bị khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị.

4. Văn bản phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp phải có chữ ký của Kiểm sát viên tham gia phiên họp. Sau khi kết thúc phiên họp, Kiểm sát viên hoàn thiện văn bản phát biểu lưu vào hồ sơ kiểm sát.

Điều 29. Báo cáo kết quả phiên họp

1. Sau khi kết thúc phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị, Kiểm sát viên phải báo cáo ngay kết quả phiên họp với lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình.

2. Báo cáo kết quả phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị được lập theo mẫu do Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành, được gửi theo quy định của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và lưu hồ sơ kiểm sát.

Điều 30. Kiểm sát quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị

1. Sau khi nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị của Tòa án cùng cấp, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên kiểm sát các nội dung sau:

a) Thẩm quyền giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Pháp lệnh số 03/2022;

b) Nội dung và hiệu lực của quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 37 Pháp lệnh số 03/2022;

c) Thời hạn Tòa án phải gửi quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Pháp lệnh số 03/2022.

2. Trường hợp phát hiện quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị của Tòa án có vi phạm thì Kiểm sát viên, Kiểm tra viên báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình thực hiện quyền kiến nghị theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Chương IV

QUAN HỆ CÔNG TÁC, CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ, KIỂM TRA VÀ BÁO CÁO

Điều 31. Quan hệ công tác

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất đối với Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện trong hoạt động kiểm sát việc Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh thực hiện kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định xem xét, áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo chỉ đạo, hướng dẫn của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và báo cáo kết quả công tác của Viện kiểm sát hai cấp đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện thực hiện kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo chỉ đạo, hướng dẫn của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và báo cáo kết quả công tác đến Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh.

2. Khi kiểm sát việc Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, Viện trưởng Viện kiểm sát hoặc Phó Viện trưởng Viện kiểm sát được Viện trưởng ủy quyền, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Pháp lệnh số 03/2022 và Quy chế này.

Kiểm sát viên, Kiểm tra viên được phân công kiểm sát việc Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp mình; phải báo cáo trung thực, chính xác, đầy đủ nội dung vụ việc và đề xuất quan điểm giải quyết đảm bảo đúng quy định của pháp luật và thời hạn.

Điều 32. Chế độ hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện.
2. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện trong phạm vi quản lý.
3. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tự tổ chức hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức trong phạm vi quản lý.

Điều 33. Chế độ thông tin, báo cáo, thống kê

Chế độ thông tin, báo cáo trong hoạt động kiểm sát việc Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính thực hiện theo Quy chế về chế độ thông tin, báo cáo và quản lý công tác trong ngành Kiểm sát nhân dân và Chế độ báo cáo thống kê thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp và thống kê vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành.

Điều 34. Chế độ kiểm tra

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao kiểm tra hoạt động kiểm sát việc Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện.
2. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh kiểm tra hoạt động kiểm sát việc Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện trong phạm vi thuộc thẩm quyền.
3. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện tự tổ chức kiểm tra hoạt động kiểm sát việc Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính của Viện kiểm sát cấp mình.
4. Chế độ kiểm tra được thực hiện theo quy định về công tác kiểm tra trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Điều 35. Chế độ thỉnh thị, hướng dẫn, giải đáp vướng mắc

Việc thỉnh thị và trả lời thỉnh thị, hướng dẫn, giải đáp vướng mắc trong hoạt động kiểm sát việc Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính được thực hiện theo quy định của ngành Kiểm sát nhân dân.

Điều 36. Chế độ quản lý, sử dụng, lưu trữ, bảo vệ bí mật hồ sơ

Chế độ quản lý, sử dụng, lưu trữ, bảo vệ bí mật hồ sơ trong hoạt động kiểm sát việc Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính được thực hiện theo quy định của Nhà nước và của ngành Kiểm sát nhân dân.

Chương V**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 37. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký Quyết định ban hành.
2. Quy chế này thay thế Quy chế kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ban hành kèm theo Quyết định số 299/QĐ-VKSTC ngày 19/8/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 38. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng đơn vị nghiệp vụ thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện trong phạm vi trách nhiệm của mình tổ chức thực hiện, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Quy chế này.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc hoặc những vấn đề mới cần báo cáo Viện kiểm sát nhân dân tối cao (qua Vụ Kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật) để được chỉ đạo, hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung kịp thời.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, quyết định./.